TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày:12/9/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Út Hậu

2/ Ông Dương Văn Nghiêm

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị M T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Khu vực Bình H B, phường Ph Th, quận Ô M, thành phố C T (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm H S, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khu vực Bình H B, phường Ph Th, quận Ô M, thành phố C T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Huỳnh Thị M T trình bày:

Chị và anh Phạm H S tự nguyện T đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước T, quận Ô M, thành phố C T vào ngày 28/11/2012.

Trong quá trình chung sống chị và anh S có thời gian chung sống hạnh phúc, đến khi anh chị có 01 con chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và lối

sống, anh S không quan tâm chăm sóc vợ con mặc dù anh chị đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình, cùng nhau lo cho con cái nhưng sự cố gắng của chị không mang lại kết quả. Ngược lại, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2012. Hiện nay, cháu T đang do anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thanh, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh S không có tài sản chung và nợ chung.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật, tuy nhiên do anh S vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không T hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Hiện nay cháu T đang ở với anh S. Sau khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt nên chị T đồng ý tách phần cấp dưỡng nuôi con ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có tranh chấp.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh S không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do vắng mặt anh S nên chị T đồng ý tách phần tài sản ra giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước T, quận Ô Môn, thành phố C T vào ngày 28 tháng 11 năm 2012. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận nên khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn thuộc Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh S có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu phát sinh do bất

đồng quan điểm, lối sống, anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả. Ngược lại, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau đã hơn 03 năm nay. Cả hai đã không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

[3] Về phía bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải….nhằm thông báo cho anh S biết việc chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh S. Để anh S có ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị T hoặc có biện pháp hàn gắn tình cảm để động viên chị T quay về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên cho đến nay, anh S vẫn không có ý kiến gì về vấn đề hôn nhân giữa anh S với chị T và anh S cũng không đến tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ việc. Điều này chứng tỏ anh S không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân với chị T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T cương quyết xin được ly hôn do không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh S, vì anh S không chăm lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, và hay cờ bạc gây nợ nần. Chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả. Xét thấy, mục đích hôn nhân của chị T và anh S không đạt được, chị T và anh S đã sống ly thân hơn 03 năm, nay mỗi người đều tự chăm lo cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử cho rằng yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về con chung: Khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu Phạm Hoàng T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2012 cho anh S tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu T đang được anh S trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T đồng ý giao cháu T cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, để không làm ảnh hưởng đến chăm sóc, giáo dục, môi trường sống của cháu T nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp

[6] Về phần cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử xét thấy do vắng mặt bị đơn và nguyên đơn cũng đồng ý tách phần cấp dưỡng nuôi con và phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ kiên khác khi có tranh chấp là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị M T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị M T được ly hôn với anh Phạm H S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng T, (nam, sinh ngày 01/08/2012) cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về phần cấp dưỡng nuôi con tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có tranh chấp.

3. Về tài sản và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 001765 ngày 15/3/2018 thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật bị đơn được quyền kháng cáo, để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Phước Thới;
- CC THADS quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Quốc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Nghiêm **Ngô Thị Út Hậu** **Bùi Thanh Quốc**